



yì suì
易碎

adjective · fragile; breakable

Example Sentences

zhè ge bēi zi shì yì suì de
这个杯子是易碎的。

This cup is fragile.

kuài dì xiāng shàng tiē zhe yì suì biāo qiān
快递箱上贴着易碎标签。

The delivery box has a fragile label on it.

zhè xiē cí qì fēi cháng yì suì bān yùn shí yào xiǎo xīn
这些瓷器非常易碎，搬运时要小心。

These porcelain items are very fragile; handle them with care.

Trace each character, then write the word on your own.

易	易	易	易	易	易	易	易	易	易	易
碎	碎	碎	碎	碎	碎	碎	碎	碎	碎	碎
碎	碎	碎	碎	碎						